TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **82**/2018/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 29 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2018/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Trọng B

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Chị S và anh B có 02 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 09/9/2004; Nguyễn Thị Bảo Y, sinh ngày 09/11/2011. Chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Q,

anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo Y. Chị S và anh B đều trực tiếp nuôi dưỡng một con, không yêu cầu cấp dưỡng nhưng anh, chị có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Chị S và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn thị S chịu 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2015/0006679 ngày 14/6/2018; trả lại cho chị S 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan Thi hành án huyện N;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp. (*lt11*)

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huệ